

Số: 254 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế
và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai việc thực hiện cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành khung giá và giá các loại hình dịch vụ để áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan trực thuộc lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

3. Ngoài các danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

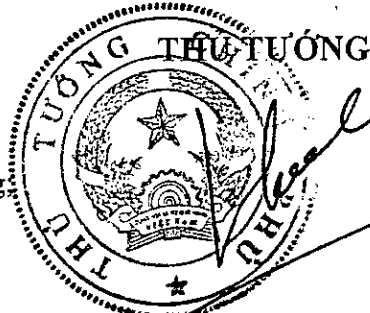
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đối tượng hưởng dịch vụ tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, PL, TH, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3b).XH *203*



Nguyễn Xuân Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 374/SY-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP, K10, K13, K19;
- Lưu: VT (25b)

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Thi

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THUỘC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC
CUA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



(Kèm theo Quyết định số 254 /QĐ-TTg
 ngày 02 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
I	Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy sản
1	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản ✓
2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
3	Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản xuất nhập khẩu
II	Hoạt động thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
1	Bảo vệ và phát triển rừng
2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
3	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
4	Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
5	Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
III	Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi
1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông
3	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
4	Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
5	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
6	Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai nước sạch nông thôn
7	Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai
IV	Hoạt động thuộc lĩnh vực trồng trọt
1	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt
2	Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt
3	Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt
V	Hoạt động thuộc lĩnh vực chăn nuôi
1	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực chăn nuôi

STT	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi
3	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi
4	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực chăn nuôi
VI	Hoạt động thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật
1	Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật
2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật
3	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu
4	Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam
5	Kiểm định các chỉ tiêu an toàn thực phẩm nguồn gốc thực vật nhập khẩu
6	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
7	Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh
8	Thống kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật
VII	Hoạt động thuộc lĩnh vực thú y
1	Điều tra lĩnh vực thú y
2	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh
3	Thống kê thuộc lĩnh vực thú y
4	Đánh giá an toàn dịch bệnh
VIII	Hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng
1	Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng
IX	Hoạt động sự nghiệp khác
1	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì, phát triển Công thông tin điện tử của bộ
3	Thông tin, truyền thông của Bộ
4	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án
5	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản
6	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến